**Tiết: 42,43 ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ THUẬN**

**I.** **MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được hai đại lượng tỉ lệ thuận.

- Nhận biết được tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận.

**2. Năng lực:**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm.

*- Năng lực đặc thù:* Biết cách tìm hệ số tỉ lệ, tìm giá trị của một đại lượng khi biết đại lượng kia và hệ số tỉ lệ đối với hai đại lượng tỉ lệ thuận; Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận bằng cách vận dụng tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận.

**3. Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1 - GV:** Tìm hiểu về một số đại lượng có quan hệ tỉ lệ thuận trong khoa học và trong đời sống.

**2 - HS:** Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân, SGK, vở ghi, bảng phụ nhóm, ôn lại tính chất của dãy tỉ số bằng nhau.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1: ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ THUẬN**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Giúp học sinh làm quen với khái niệm hai đại lượng tỉ lệ thuận thông qua một tình huống thực tế. Qua đó học sinh có hứng thú với nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV cho HS đọc tình huống.



**c) Sản phẩm:** HS bằng kinh nghiệm sống dự đoán xem khối lượng kilogam bột sẽ tăng hay giảm đi khi số kg củ sắn dây tươi tăng lên. (chưa yêu cầu HS phải giải bài toán này ngay).

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV cho HS đọc tình huống.

- HS dự đoán kết quả.

- GV giới thiệu vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Nhận biết đại lượng tỉ lệ thuận**

**a) Mục tiêu**: Giúp học sinh nhận biết hai đại lượng là tỉ lệ thuận với nhau.

**b) Nội dung:** Giáo viên trình chiếu hoặc viết bảng nội dung câu hỏi HĐ1 và HĐ2; HS có thể làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.

**c) Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Một xe ô tô di chuyển với vận tốc không đổi 60km/h. Gọi s (km) là quãng đường ô tô đi được trong khoảng thời gian t (h).**HĐ1:** Thay mỗi dấu “?” trong bảng sau bằng số thích hợp.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **t (h)** | **1** | **1,5** | **2** | **3** |
| **s (km)** | **?** | **?** | **?** | **?** |

**HĐ2:** Viết công thức tính quãng đường s theo thời gian di chuyển tương ứng t. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**+ HS: Trả lời các câu hỏi. + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**- GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Kết luận, nhận định:**- GV:Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS- GV hình thành khái niệm về 2 đại lượng tỉ lệ thuận. - GV nêu câu hỏi: Trong HD2, quãng đường s có tỉ lệ thuận với thời gian t không? Thời gian t có tỉ lệ thuận với quãng đường s hay không? - HS trả lời câu hỏi và từ đó rút ra chú ý.  | Một xe ô tô di chuyển với vận tốc không đổi 60km/h. Gọi s (km) là quãng đường ô tô đi được trong khoảng thời gian t (h).**HĐ1:** Thay mỗi dấu “?” trong bảng sau bằng số thích hợp.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **t(h)** | **1** | **1,5** | **2** | **3** |
| **s(km)** | **60** | **90** | **120** | **180** |

**HĐ2:** Viết công thức tính quãng đường s theo thời gian di chuyển tương ứng t là: s = 60t.

|  |
| --- |
| Nếu đại lượng y liên hệ với đại lượng x theo công thức y = ax (a là một hằng số khác 0) thì ta nói y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ a. |

**Chú ý:** Nếu y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ a thì x tỉ lệ thuận với y theo hệ số tỉ lệ . Khi đó ta nói x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận.  |

**Hoạt động 2: Ví dụ 1**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS biết cách tìm hệ số tỉ lệ, lập được công thức liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận. Tìm giá trị của đại lượng này khi biết đại lượng kia và hệ số.

**b) Nội dung:** HS đọc đề bài, giáo viên phân tích đề bài, gợi mở giúp hs thực hiện được các yêu cầu của ví dụ 1.

**c) Sản phẩm học tập:** Học sinh thực hiện được ví dụ 1.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:****Ví dụ 1:** Biết rằng x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận và x = 2 khi y = -4.1. Tìm hệ số tỉ lệ a trong công thức y = ax. Từ đó viết công thức tính y theo x.
2. Tìm giá trị của y khi x = 3.
3. Tìm giá trị của x khi y = 0,8

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận theo nhóm.- GV quan sát HS hoạt động, phân tích, gợi mở cho HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**- GV gọi HS từng nhóm đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Kết luận, nhận định:**- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **Ví dụ 1:** Biết rằng x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận và x = 2 khi y = -4.1. Tìm hệ số tỉ lệ a trong công thức y = ax. Từ đó viết công thức tính y theo x.
2. Tìm giá trị của y khi x = 3.
3. Tìm giá trị của x khi y = 0,8

**Giải** |

**Hoạt động 3: Ví dụ 2**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS củng cố công thức liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận, đồng thời hình thành tính chất của hai đại lượng tỉ lệ thuận.

**b) Nội dung:** HS đọc đề bài, giáo viên phân tích đề bài, gợi mở giúp hs thực hiện được các yêu cầu của ví dụ 2.

**c) Sản phẩm học tập:** Học sinh thực hiện được ví dụ 2.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:****Ví dụ 2:** Cho y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ a = 5.a) Thay mỗi dấu “?” trong bảng bên bằng số thích hợp. b) Tính  và so sánh với hệ số tỉ lệ a. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận theo nhóm.- GV quan sát HS hoạt động, phân tích, gợi mở cho HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**- GV gọi HS từng nhóm đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Kết luận, nhận định:**- GV đánh giá, nhận xét. - GV thông qua ví dụ 2 cho HS rút ra ***nhận xét***  | **Ví dụ 2:** **Nhận xét: (SGK)**  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**Hoạt động 1: Luyện tập 1**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kĩ năng nhận biết hai đại lượng tỉ lệ thuận và cách tìm hệ số tỉ lệ.

**b) Nội dung:** GV gọi HS trả lời, GV nhận xét và nhấn mạnh lại khái niệm hai đại lượng tỉ lệ thuận.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:****Luyện tập 1:** Theo Viện Dinh dưỡng Quốc gia, cứ trong 100g đậu tương (đậu nành) thì có 34g protein. Khối lượng protein trong đậu tương có tỉ lệ thuận với khối lượng đậu tương không? Nếu có thì hệ số tỉ lệ là bao nhiêu? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**- GV cho đại diện HS mỗi nhóm trả lời. - HS nhận xét , đánh giá chéo các nhóm.**Bước 4: Kết luận, nhận định:**- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **Giải**+) Khối lượng protein trong đậu tương có tỉ lệ thuận với khối lượng đậu tương.+) Hệ số tỉ lệ: . |

**Hoạt động 2: Giải bài toán mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kĩ năng áp dụng tính chất hai đại lượng tỉ lệ thuận thông qua giải bài toán mở đầu.

**b) Nội dung:** HS tự làm việc, GV quan sát và hỗ trợ khi cần. Sau đó, GV gọi HS lên bảng giải. Cuối cùng, GV nhận xét bài làm, tổng kết lại phương pháp giải.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh và phương pháp giải.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:****Câu hỏi trong Bài toán mở đầu.****Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**- GV cho HS trình bày lời giải. - HS nhận xét. **Bước 4: Kết luận, nhận định:**- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. |  |

**TIẾT 2: MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ THUẬN**

**A. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về Ví dụ 3.**

**a) Mục tiêu**: Giúp học sinh biết vận dụng tính chất tỉ số giữa 2 giá trị tương ứng của 2 đại lượng tỉ lệ thuận luôn không đổi để giải 2 bài toán liên quan.

**b) Nội dung:** Đọc ví dụ SGK, nghe GV hướng dẫn, HS thảo luận, trao đổi.

**c) Sản phẩm học tập:** Học sinh trả lời được các câu hỏi và trình bày lời giải các bài tập ở Ví dụ 3.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:****VD3:** Một công ty may quần áo bảo hộ lao động có 2 xưởng may, xưởng thứ nhất có 25 công nhân,xưởng thứ 2 có 30 công nhân. Mỗi ngày xưởng thứ 2 may nhiều hơn xưởng thứ nhất 20 bộ quần áo. Hỏi trong một ngày mỗi xưởng may được bao nhiêu bộ quần áo (biết năng suất của mỗi công nhân là như nhau)?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**+ HS: Trả lời các câu hỏi của GV+ GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**- GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV:Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HSGV chốt lại kiến thức | **VD3: M**ột công ty may quần áo bảo hộ lao động có 2 xưởng may, xưởng thứ nhất có 25 công nhân,xưởng thứ 2 có 30 công nhân. Mỗi ngày xưởng thứ 2 may nhiều hơn xưởng thứ nhất 20 bộ quần áo. Hỏi trong một ngày mỗi xưởng may được bao nhiêu bộ quần áo (biết năng suất của mỗi công nhân là như nhau)?**Giải:**Gọi số bộ quần áo may được trong 1 ngày của xưởng thứ nhất và xưởng thứ 2 lần lượt là x, y (bộ)Ta có: y – x = 20Vì năng suất của mỗi công nhân là như nhau nên số bộ quần áo may được tỉ lệ thuận với số công nhân. Do đó ta có: $\frac{x}{25}=\frac{y}{30}$Theo tính chất dãy tỉ số bằng nhau, ta có: $\frac{x}{25}=\frac{y}{30}=\frac{y-x}{30-25}=\frac{20}{5}=4$Suy ra: x=4.25=100 và y = 4.30=120**Vậy** mỗi ngày xưởng thứ nhất may được 100 bộ quần áo và xưởng thứ 2 may được 120 bộ quần áo. |

**Hoạt động 2. Luyện tập 2.**

**a) Mục tiêu**: Củng cố kỹ năng áp dụng tính chất tỉ số 2 giá trị tương ứng của 2 đại lượng tỉ lệ thuận luôn không đổi trong giải một bài toán thực tế liên quan.

**b) Nội dung:** Đọc thông tin SGK, nghe GV hướng dẫn, HS thảo luận nhóm, trao đổi.

**c) Sản phẩm học tập:** Học sinh trả lời được các câu hỏi và trình bày lời giải các bài tập ở Luyện tập 2.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | **Dự kiến sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**Hai thanh kim loại đồng nhất có thể tích tương ứng là10 cm3 và 15 cm3. Hỏi mỗi thanh nặng bao nhiêu gam biết rặng một thanh nặng hơn thanh kia 40 gam.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận theo nhóm.- GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**- GV gọi HS từng nhóm đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Kết luận, nhận định:**- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **Luyện tập 2:** Hai thanh kim loại đồng nhất có thể tích tương ứng là10 cm3 và 15 cm3. Hỏi mỗi thanh nặng bao nhiêu gam biết rặng một thanh nặng hơn thanh kia 40 gam.**Giải:**Gọi khối lượng của 2 thanh kim loại đồng chất là x(g) và y(g)Theo đề ta có: y-x=40Khối lượng của một vậy đồng chất tỉ lệ thuận với thể tích của nó, vì vậy ta có:$$\frac{x}{10}=\frac{y}{15}$$Theo tính chất dãy tỉ số bằng nhau ta có: $$\frac{x}{10}=\frac{y}{15}=\frac{y-x}{15-10}=\frac{40}{5}=8$$Từ đây ta được: x = 80 và y = 120Vậy 2 thanh kim loại có khối lượng tương ứng là 80 g và 120 g. |

**Hoạt động 3. Ví dụ 4.**

**a) Mục tiêu**: Giúp học sinh biết vận dụng tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận vào giải các bài toán liên quan đến việc phân chia một đại lượng thành các phần tỉ lệ thuận với các số cho trước.

**b) Nội dung:** Đọc thông tin SGK, nghe GV hướng dẫn, HS thảo luận nhóm, trao đổi.

**c) Sản phẩm học tập:** HS trả lời được các câu hỏi và trình bày lời giải ví dụ 4.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**Trong 1 đợt tặng đồ dùng học tập cho học sinh vùng cao, có 635 quyển vở được chia cho 3 lớp 7A, 7B, 7C tỉ lệ thuận với số học sinh của mỗi lớp. Hỏi mỗi lớp được tặng bao nhiêu vở, biết sĩ số cảu 3 lớp 7A, 7B, 7C lần lượt là 0; 42 và 45 học sinh.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**- GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Kết luận, nhận định:**- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.* **Gv :** nêu chú ý SGK.
 | **Ví dụ 4 :** Trong 1 đợt tặng đồ dùng học tập cho học sinh vùng cao, có 635 quyển vở được chia cho 3 lớp 7A, 7B, 7C tỉ lệ thuận với số học sinh của mỗi lớp. Hỏi mỗi lớp được tặng bao nhiêu vở, biết sĩ số cảu 3 lớp 7A, 7B, 7C lần lượt là 0; 42 và 45 học sinh.**Giải :**Gọi x,y,z (quyển) lần lượt là số vở 3 lớp 7A,7B,7C được tặng.Theo đề ta có : x+y+z = 635 và$$\frac{x}{40}=\frac{y}{42}=\frac{z}{45}$$Theo tính chất dãy tỉ số bằng nhua ta có :$\frac{x}{40}=\frac{y}{42}=\frac{z}{45}=\frac{x+y+z}{40+42+45}=\frac{635}{127}=$5Suy ra : x=5.40=200, y= 5.42=210, z=5.45=225.Vậy số vở mà 3 lớp 7A,7B, 7C nhận được lần lượt là 200 quyển, 210 quyển, 225 quyển. |

**Hoạt động 3. Ví dụ 4.**

**a) Mục tiêu**: Giúp học sinh biết vận dụng tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận vào giải các bài toán liên quan đến việc phân chia một đại lượng thành các phần tỉ lệ thuận với các số cho trước.

**b) Nội dung:** Đọc thông tin SGK, nghe GV hướng dẫn, HS thảo luận nhóm, trao đổi.

**c) Sản phẩm học tập:** HS trả lời được các câu hỏi và trình bày lời giải ví dụ 4.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**Trong 1 đợt tặng đồ dùng học tập cho học sinh vùng cao, có 635 quyển vở được chia cho 3 lớp 7A, 7B, 7C tỉ lệ thuận với số học sinh của mỗi lớp. Hỏi mỗi lớp được tặng bao nhiêu vở, biết sĩ số cảu 3 lớp 7A, 7B, 7C lần lượt là 0; 42 và 45 học sinh.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**- GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Kết luận, nhận định:**- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.* **Gv :** nêu chú ý SGK.
 | **Ví dụ 4 :** Trong 1 đợt tặng đồ dùng học tập cho học sinh vùng cao, có 635 quyển vở được chia cho 3 lớp 7A, 7B, 7C tỉ lệ thuận với số học sinh của mỗi lớp. Hỏi mỗi lớp được tặng bao nhiêu vở, biết sĩ số cảu 3 lớp 7A, 7B, 7C lần lượt là 0; 42 và 45 học sinh.**Giải :**Gọi x,y,z (quyển) lần lượt là số vở 3 lớp 7A,7B,7C được tặng.Theo đề ta có : x+y+z = 635 và$$\frac{x}{40}=\frac{y}{42}=\frac{z}{45}$$Theo tính chất dãy tỉ số bằng nhua ta có :$\frac{x}{40}=\frac{y}{42}=\frac{z}{45}=\frac{x+y+z}{40+42+45}=\frac{635}{127}=$5Suy ra : x=5.40=200, y= 5.42=210, z=5.45=225.Vậy số vở mà 3 lớp 7A,7B, 7C nhận được lần lượt là 200 quyển, 210 quyển, 225 quyển. |

**Hoạt động 4. Luyện tập 3.**

**a) Mục tiêu**: Củng cố kỹ năng áp dụng tính chất của 2 đại lượng tỉ lệ thuận trong giải một bài toán thực tế liên quan.

**b) Nội dung:** Đọc thông tin SGK, nghe GV hướng dẫn, HS thảo luận nhóm, trao đổi.

**c) Sản phẩm học tập:** HS trả lời được các câu hỏi và trình bày lời giải LT3.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**Hãy chia 1 tấn gạo thành 3 phần có khối lượng tỉ lệ thuận với 2;3;5.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**- GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Kết luận, nhận định:**- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **Luyện tập 3 :** Hãy chia 1 tấn gạo thành 3 phần có khối lượng tỉ lệ thuận với 2;3;5.**Giải :**Gọi x,y,z (tấn) lần lượt là 3 phần gạo được chia theo đề bài.Theo đề ta có : x+y+z= 1 và $\frac{x}{2}=\frac{y}{3}=\frac{z}{5}$Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau ta có: $\frac{x}{2}=\frac{y}{3}=\frac{z}{5}=\frac{x+y+z}{2+3+5}=\frac{1}{10}=0,1$Suy ra: x=0,2 ; y = 0,3 ; z = 0,5.Vậy chia 1 tấn gạo thành 3 phần lần lượt là 0,2 tấn; 0,3 tấn; 0,5 tấn. |

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

**b) Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**Bài tập 6.20 / SGK**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**- GV cho nhóm HS trình bày vào phiếu học tập. - HS nhận xét , đánh giá chéo các nhóm.**Bước 4: Kết luận, nhận định:**- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **Bài 6.20/ SGK:**Gọi thời gian để bơm đầy nước vào bể thứ 2 là x (giờ)Vì 2 bể đều có chiều dài và chiều rộng tương ứng bằng nhau nên thời gian để bơm nước vào đầy mỗi bể tỉ lệ thuận với chiều cao của bể.Theo đề ta có: $\frac{4,5}{x}=\frac{3}{4}$Suy ra: $x=\frac{4,5 .4}{3}=6 (giờ)$Vậy thời gian để bơm đầy nước bể thứ 2 là 6 giờ. |

**C. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ :**

- Ôn lại nội dung kiến thức về đại lượng tỉ lệ thuận, tính chất dãy tỉ số bằng nhau.

- Vận dụng làm bài tập 6.17; 6.18; 6.19; 6.21 / SGK

- Chuẩn bị tiết sau : Đại lượng tỉ lệ nghịch.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM BỔ SUNG:**

............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................